

Số: **46/2023/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 21 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **V B Q**, sinh năm 1984;

HKTT: Thôn N, xã L, huyện G, tỉnh B

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố TQ,, tỉnh TQ

- Bị đơn: Chị **Tr N A**, sinh năm 1989;

HKTT: Khu X, xã K, huyện Đ, tỉnh P

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố TQ,, tỉnh TQ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **V B Q** và chị **Tr N A**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung **V B L** sinh ngày 25/7/2013 cho chị **Tr N A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung **V B A**, sinh ngày 06/7/2015 cho anh **V B Q** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **V B Q** và chị **Tr N A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh V B Q và chị Tr N A đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản vay nợ chung*: Anh V B Q và chị Tr N A đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh V B Q tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000555, ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh V B Q đã nộp đủ án phí. Trả lại cho anh V B Q số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

Chị Tr N A không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PT, huyện Đ, tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Hà